

Bản án số: 03/2022/KDTM-ST  
Ngày 03 tháng 6 năm 2022  
“V/v tranh chấp hợp đồng đại lý”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH H**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tuấn.*

*Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tô Sỹ Thái và ông Bùi Đăng Ban.*

*Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng-Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh-Kiểm sát viên.*

Ngày 03 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2022/TLST-KDTM ngày 16 tháng 02 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng đại lý” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn sơn K.*

*Địa chỉ: Khu công nghiệp PN, xã T, huyện V, tỉnh H.*

*Người đại diện theo pháp luật: Ông C.*

*Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn sơn K.*

*Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đoàn Anh V, sinh năm 1980-Có mặt.*

*Địa chỉ: Số 90 H, phường H, quận HK, thành phố HN.*

*Giấy ủy quyền số 151221/UQ/KAP-PH ngày 15/12/2021 của Tổng Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn sơn K.*

*2. Bị đơn: Bà Vũ Thị O, sinh năm 1984.*

*Địa chỉ: số 06 thị trấn T, huyện P, tỉnh H.*

*Người đại diện cho bị đơn theo ủy quyền:*

Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số 6, thị trấn T, huyện P, tỉnh H.

Văn bản ủy quyền ngày 12/4/2022.

Đại diện bị đơn có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện và quá trình điều tra nguyên đơn trình bày:

Theo Hợp đồng số 1039/HĐMB/2012 ngày 31/01/2012, Phụ lục hợp đồng mua bán hàng hóa ngày 31/01/2012, giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn sơn K với bà Vũ Thị O-Chủ đại lý Phụng Hoàng thì Công ty trách nhiệm hữu hạn sơn K bán cho bà O hàng hóa là sơn thương hiệu Sơn Kansai-Alphanam và một số phụ liệu kèm theo như bột bả, tinh màu. Nguyên đơn đã bán cho bà O số hàng hóa theo hợp đồng hai bên đã ký kết. Nguyên đơn cho rằng bà O còn nợ số tiền hàng theo các hóa đơn giá trị gia tăng ngày 25/6/2013, 05/7/2013 và 05/7/2013 với số tiền cụ thể:

Hóa đơn 25/6/2013 là 96.800.900 đồng.

Hóa đơn 05/7/2013 là 11.931.988 đồng

Hóa đơn ngày 05/7/2013 là 3.152.000 đồng.

Tổng số tiền hàng bà O còn nợ chưa trả là 111.884.888 đồng.

Ngày 31/7/2013, giữa nguyên đơn và bà O đã chốt nợ theo đó bà O xác nhận còn nợ nguyên đơn là 111.884.888 đồng.

Cùng với việc giao kết hợp đồng mua bán hàng hóa, nguyên đơn đã cho bà O mượn 01 bộ máy pha màu gồm: 01 máy pha màu Tintmaster 300 và 01 máy lắc Shaker 280 để bà O thực hiện việc pha màu sơn khi khách hàng có yêu cầu thể hiện tại Hợp đồng mượn máy pha màu số 1039-HĐMPM ngày 08/02/2012. Mục đích cho mượn bộ máy pha màu này là để bà O phát triển được việc bán hàng cho nguyên đơn ra thị trường. Việc cho mượn máy pha màu dựa trên doanh số bà O bán hàng cho nguyên đơn. Cũng theo thỏa thuận trong hợp đồng mượn máy pha màu thì nếu bà O không đạt doanh số bán hàng như trong hợp đồng mượn máy thì bà O phải trả tiền máy là 2.000.000 đồng/tháng.

Đến ngày 31/7/2013, do bà O không thanh toán số tiền hàng còn nợ nên Công ty trách nhiệm hữu hạn sơn K đã chấm dứt việc cung cấp hàng cho bà O kể từ đó cho đến nay.

Nguyên đơn cho rằng đã nhiều lần yêu cầu bà O trả nợ, trả máy pha màu thông qua nhân viên nhưng bà O vẫn không trả. Do nhân viên của Công ty trách nhiệm hữu hạn sơn K có sự thay đổi nhiều nên đến nay nguyên đơn không có chứng cứ gì để cung cấp cho Tòa án về việc nhân viên yêu cầu bà O trả nợ, trả máy. Đến ngày 04/8/2021, nguyên đơn có văn bản thông báo đòi nợ và yêu cầu trả máy gửi cho bà O nhưng bà O cũng không có ý kiến phản hồi gì.

Vì vậy Công ty trách nhiệm hữu hạn sơn K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà O phải trả các khoản như sau:

Buộc bà O phải trả số tiền nợ mua hàng là 111.884.888 đồng.

Buộc bà O phải trả lại 01 bộ máy pha màu.

Buộc bà O phải trả tiền khấu hao máy pha màu là 228.000.000 đồng và số tiền lãi trên số tiền nợ gốc là 100.897.893 đồng.

Sau đó nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau:

Yêu cầu bà O phải trả số tiền còn nợ mua hàng là 111.884.888 đồng.

Buộc bà O phải trả lại 01 bộ máy pha màu.

Nguyên đơn không yêu cầu bà O phải trả tiền khấu hao máy pha màu là 228.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền nợ gốc là 100.897.893 đồng như đơn khởi kiện và lời khai trước đây nữa.

Nguyên đơn đã được Tòa án giải thích về việc yêu cầu thẩm định tài sản là bộ máy pha màu tuy nhiên do bà O khẳng định đang quản lý máy và sẽ trả lại cho nguyên đơn nên nguyên đơn không yêu cầu Tòa án thẩm định bộ máy pha màu.

Ngoài ra nguyên đơn không còn yêu cầu gì khác.

Bà Vũ Thị O là bị đơn trình bày:

Khoảng năm 2012, bà O ký hợp đồng đại lý với Công ty trách nhiệm hữu hạn sơn K, Hợp đồng bán hàng đại lý cho công ty là giữa cá nhân bà O với công ty chứ bà O không đăng ký kinh doanh và cũng không xin cấp phép kinh doanh đại lý, bà O đặt tên cửa hàng là Đại lý Phượng Hoàng. Theo hợp đồng, bà O bán sơn và các phụ liệu là bột bả của nguyên đơn giao cho bà O, đơn hàng đầu tiên được hưởng chiết khấu 15% theo giá bán của nguyên đơn, các đơn hàng sau thì nguyên đơn giao hàng giá bao nhiêu bà O phải thanh toán theo giá đó và được hưởng số tiền chênh lệch giá hàng hóa khi bán ra thị trường. Cùng với việc bán hàng hóa cho bà O, Công ty trách nhiệm hữu hạn sơn K đã cho bà O mượn một bộ máy pha màu gồm 01 pha màu và một máy lắc. Hợp đồng mượn máy pha màu chỉ quy định hàng năm bà O phải lấy lượng hàng theo quy định là bao nhiêu thì nguyên đơn cho mượn máy chứ không quy định về tiền khấu hao hay thanh toán trả bất kỳ khoản tiền nào về việc mượn máy.

Đến ngày 31/7/2013, bà O đã chấm dứt việc bán hàng đại lý cho nguyên đơn, bà O và nguyên đơn đã đối chiếu công nợ với nhau đến ngày 31/7/2013, bà O còn nợ tiền hàng của nguyên đơn là 111.884.888 đồng. Việc chấm dứt làm đại lý thể hiện bằng biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/7/2013, bà O đã thông báo cho nguyên đơn để hai bên thanh toán nợ, bà O trả máy pha màu cho nguyên đơn nhưng kể từ đó nguyên đơn không về thanh toán với bà O. Khoảng tháng 6 hoặc tháng 7 năm 2014, có người nói là luật sư do nguyên đơn cử về làm việc với bà O về việc thanh lý hợp đồng, thanh toán công nợ, bà O yêu cầu nguyên đơn về thanh toán với bà O nhưng nguyên đơn vẫn không về. Kể từ đó cho đến nay, mặc dù bà O vẫn thông báo yêu cầu nguyên đơn về thanh lý hợp đồng để bà O trả nợ nhưng nguyên đơn không về và cũng không thông báo hay có yêu cầu gì đối với bà O, vì vậy bà O vẫn chưa trả số nợ 111.884.888 đồng và bộ máy pha màu cho nguyên đơn.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà O có quan điểm như sau:

Bà O khẳng định còn nợ tiền hàng của nguyên đơn là 111.884.888 đồng như nguyên đơn yêu cầu, bà O chấp nhận trả số nợ này nhưng do bà O khó khăn nên bà O sẽ trả dần.

Bộ máy pha màu gồm một máy pha màu pha màu và một máy lắc hiện bà O đang quản lý, bà O chấp nhận trả lại bộ máy pha màu này cho nguyên đơn.

Bà O không chấp nhận trả nguyên đơn tiền lãi của số nợ gốc 111.884.888 đồng theo mức 0,1%/ngày và tiền phạt khấu hao máy pha màu như nguyên đơn yêu cầu vì đó là lỗi của nguyên đơn chứ không phải lỗi của bà O. Bà O đề nghị Tòa án áp dụng quy định về thời hiệu để không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về số tiền lãi và tiền khấu hao máy.

Bà O đã được Tòa án cho xem các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là các bản sao: Hợp đồng mua bán hàng hóa ngày 31/12/2012, phụ lục hợp đồng mua bán ngày ngày 31/01/2012, phụ lục hợp đồng mua 31/01/2012, biên bản bàn giao máy ngày 18/02/2012, Hợp đồng cho mượn máy pha màu ngày 08/02/2012, phiếu đề nghị mượn máy pha màu, bản đối chiếu công nợ ngày 31/7/2013, bảng đối chiếu xuất hàng trong tháng 7/2013, bà O khẳng định các chữ ký và chữ viết “Oanh” “Vũ Thị O” ở phần đại diện bên B, bên nhận trong các văn bản này đúng là chữ ký, chữ viết của bà O.

Bà O có văn bản ủy quyền cho ông Nguyễn Văn L là người đại diện cho bà O, ông Long đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt.

**Tại phiên tòa:** Nguyên đơn trình bày ngày 27/5/2022, bà O đã trả nguyên đơn 01 bộ máy pha màu nên nguyên đơn không yêu cầu bà O trả 01 bộ máy pha màu nữa.

Nguyên đơn chỉ yêu cầu bà O phải trả số tiền nợ gốc là 111.884.888 đồng, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi của số tiền này. Ngoài ra nguyên đơn không còn yêu cầu nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh H phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Các đương sự đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ trong quá trình giải quyết vụ án. Việc xác định tư cách nguyên đơn, bị đơn, đương sự, người tham gia tố tụng là đúng pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử: Xác định quan hệ tranh chấp là Tranh chấp về hợp đồng đại lý.

Áp dụng các quy định tại các Điều 166, 167, 168, 172, 173, 174, 175 và 176 của Luật thương mại.

Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 147, 217, 243, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 3, 6, khoản 2 Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả số tiền còn nợ gốc là 111.884.888 đồng.

Buộc bà O phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn sơn K số tiền 111.884.888 đồng.

Đình chỉ giải quyết các yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn sơn K đối với bà Vũ Thị O về việc: Trả lại 01 bộ máy pha màu, tiền khấu hao máy pha màu là 228.000.000 đồng và số tiền lãi trên số tiền nợ gốc là 100.897.893 đồng.

Về án phí: Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí.

Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền 111.884.888 đồng phải trả cho nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hợp đồng mua bán hàng hóa:

Theo Hợp đồng số 1039/HĐMB/2012 ngày 31/01/2012, Phụ lục hợp đồng mua bán hàng hóa ngày 31/01/2012 và Hợp đồng mượn máy pha màu số 1039-HĐMPM ngày 08/02/2012 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn sơn K với bà Vũ Thị O, thì nguyên đơn đã giao hàng, giao máy pha màu cho bà O để bà O thực hiện việc bán hàng theo hình thức đại lý cho Công ty trách nhiệm hữu hạn sơn K. Thực hiện thỏa thuận của hợp đồng, nguyên đơn đã nhiều lần giao hàng cho bà O và cho bà O mượn máy pha màu sơn. Đến ngày 31/7/2013, hai bên đã đối chiếu số hàng, tiền hàng bà O đã nhận, bán cho nguyên đơn, hai bên đã chốt nợ với nhau, theo biên bản chốt nợ này thì bà O còn nợ số tiền hàng chưa thanh toán là 111.884.888 đồng, thể hiện tại các hóa đơn 25/6/2013 là 96.800.900 đồng, hóa đơn 05/7/2013 là 11.931.988 đồng và hóa đơn ngày 05/7/2013 là 3.152.000 đồng. Hai bên đã thừa nhận về số nợ này. Nguyên đơn, bị đơn đã nhất trí chấm dứt hợp đồng mua bán hàng hóa từ đó cho đến nay. Cho đến nay, hai bên đều thừa nhận các nội dung của hợp đồng, thừa nhận đã chấm dứt hợp đồng từ ngày 31/7/2013 và không có tranh chấp gì.

Bị đơn có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Căn cứ theo nội dung hợp đồng mua bán hàng hóa, phụ lục hợp đồng mua bán hàng hóa, hợp đồng cho mượn máy pha màu và việc thực hiện hợp đồng của hai bên, lời trình bày của các đương sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên

đơn thì có căn cứ xác định hợp đồng giữa hai bên là quan hệ pháp luật đại lý thương mại, hợp đồng giữa hai bên là Hợp đồng đại lý theo đó bên giao đại lý là Công ty trách nhiệm hữu hạn sơn K, bên đại lý là cá nhân bà Vũ Thị O. Hợp đồng mượn 01 bộ máy pha màu cũng xuất phát từ quan hệ đại lý thương mại giữa hai bên, bên giao đại lý tạo điều kiện cho bên đại lý thực hiện hợp đồng đại lý. Do vậy quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp Hợp đồng đại lý theo quy định của Luật thương mại. Hai bên đã tự thỏa thuận chấm dứt hợp đồng từ ngày 31/7/2013, hai bên không có tranh chấp gì về hợp đồng đại lý, nguyên đơn khởi kiện đòi nợ tiền hàng bị đơn chưa trả và đòi lại máy pha màu đã cho bị đơn mượn.

Bị đơn chấp nhận trả tiền hàng còn nợ, trả máy pha màu đã mượn cho nguyên đơn.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

Hai bên đã tự nguyện chấm dứt hợp đồng đại lý, không có tranh chấp gì về hợp đồng đại lý nên Hợp đồng đại lý giữa hai bên đã đương nhiên chấm dứt từ ngày 31/7/2013 nên Hội đồng xét xử không xem xét Hợp đồng đại lý giữa hai bên.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả tiền hàng còn thiếu, trả máy cho mượn, trả tiền lãi của số tiền nợ gốc, tiền khấu hao máy pha màu nhưng sau đó nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bị đơn trả máy cho mượn, trả tiền lãi của số tiền nợ gốc và tiền khấu hao máy pha màu mà chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền mua hàng còn nợ là 111.884.888 đồng. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là do nguyên đơn tự nguyện, được thực hiện trước khi tiến hành phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, trước khi Tòa án mở phiên tòa. Bị đơn có đơn yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu để không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền lãi, số tiền khấu hao máy. Vì vậy chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ các Điều 217, 243, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu của nguyên đơn về tiền lãi, tiền khấu hao máy, trả máy cho mượn và đình chỉ giải quyết các yêu cầu này của nguyên đơn.

Xét yêu cầu đòi tiền hàng còn nợ là 111.884.888 đồng của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định: Bị đơn thừa nhận số tiền còn nợ nguyên đơn, bị đơn chấp nhận trả nguyên đơn số tiền hàng còn nợ là 111.884.888 đồng. Căn cứ các chứng cứ đã thu thập, lời trình bày của hai bên thì yêu cầu khởi kiện đòi tiền nợ gốc là 111.884.888 đồng của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Vì vậy căn cứ theo các quy định tại các Điều 166, 167, 168, 172, 173, 174, 175 và 176 của Luật thương mại.

Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử nhận định: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đòi tiền hàng bà O còn nợ là 111.884.888 đồng. Bà O là người giao kết hợp đồng với nguyên đơn, là người nợ nguyên đơn số tiền này nên buộc bà O phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn sơn K số tiền là 111.884.888 đồng này.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện trước khi mở phiên tòa và được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí.  
Bị đơn phải chịu án phí đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn.  
Các vấn đề khác Hội đồng xét xử không xét.  
Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các quy định tại các Điều 166, 167, 168, 172, 173, 174, 175 và 176 của Luật thương mại.

Các Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Các Điều 147, 217, 243 và 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 3, 6 và khoản 2, 5 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi số tiền nợ gốc của Công ty trách nhiệm hữu hạn sơn K.

Buộc bà Vũ Thị O phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn sơn K số tiền 111.884.888 đồng (Một trăm mười một triệu tám trăm tám mươi tư nghìn tám trăm tám mươi tám đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Đình chỉ giải quyết các yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn sơn K đối với bà Vũ Thị O về việc: Trả lại 01 bộ máy pha màu, tiền khấu hao máy pha màu là 228.000.000 đồng và số tiền lãi trên số tiền nợ gốc là 100.897.893 đồng.

2. Về án phí: Bà Vũ Thị O phải chịu 5.594.244 đồng tiền án phí sơ thẩm kinh doanh thương mại.

Hoàn trả lại Công ty trách nhiệm hữu hạn sơn K số tiền 11.019.799 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006070 ngày 15/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh H.

3. Các vấn đề khác Hội đồng xét xử không xét.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
- Các đương sự;
- UBND xã, thị trấn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Văn Tuấn**